

Bản án số: 45/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2017

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tuấn Vũ

2. Bà Đoàn Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1996 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Trú tại: Thôn K, xã V, huyện H, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Phan Minh T, sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Ng1, xã V, huyện K, Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có yêu cầu khởi kiện và trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Minh T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V huyện K tỉnh Thái Bình vào ngày 16/01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã V, huyện H, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên đến tháng 4/2014 chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Tháng 11/2014 anh T thực hiện hành vi phạm tội “Cướp giật tài sản” và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị M xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị

đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Phan Ánh D - sinh ngày 24/8/2014, hiện đang ở cùng với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phan Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M có tìm hiểu và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã V huyện K tỉnh Thái Bình vào ngày 16/01/2014. Khi đó chị M đang đi học còn anh đi làm trên Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn đến tháng 4/2014 phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Đến tháng 11/2014 anh bị bắt vì phạm tội “Cướp giật tài sản” và chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong, đến ngày 30/8/2017 thì chấp hành xong. Nay chị M xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị M có 01 con chung là Phan Ánh D - sinh ngày 24/8/2014, hiện đang ở cùng với chị M. Ly hôn anh nhường quyền nuôi con cho chị M vì anh mới ra tù không có điều kiện trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo Biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2017 của ông Phan Văn Ph và bà Trần Thị Ng (là bố mẹ đẻ anh T) đều trú tại: Thôn Ng 1 xã V huyện K tỉnh Thái Bình cho biết: Anh T và chị M có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V huyện K tỉnh Thái Bình vào ngày 16/01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chị M anh T chỉ sinh sống cùng ông bà một thời gian ngắn sau đó lên Hà Nội làm ăn. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn. Quan điểm của ông bà là việc ly hôn do chị M anh T quyết định nhưng ông bà muốn được nuôi cháu Phan Ánh D.

* Tòa án đã xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 26/8/2017, được chính quyền cung cấp cho biết: Anh Phan Minh T sinh năm 1990 có hộ khẩu thường trú tại thôn Ng1 xã V huyện K tỉnh Thái Bình có vợ là chị Nguyễn Thị M có hộ khẩu thường trú tại thôn K xã V huyện H Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chị M anh T chỉ sống một thời gian ngắn ở địa phương rồi lên Hà Nội sinh sống. Đến tháng 11/2014 anh T bị bắt vì phạm tội “Cướp giật tài sản” và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong. Từ đó đến nay không thấy chị M về địa phương nữa. Quá trình chung sống của vợ chồng chị M anh T có mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định

tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị M được ly hôn anh T; Về con chung xử cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Ánh D - sinh ngày 24/8/2014; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp hôn nhân và gia đình mà chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đề ngày 25/8/2017. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã V và lấy lời khai của bố mẹ đẻ bị đơn để làm rõ tình trạng hôn nhân và địa chỉ cư trú của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của M và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau. Nay chị M và anh T đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị M. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị M và anh T là trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận xử cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Phan Minh T có 01 con chung là cháu Phan Ánh D - sinh ngày 24/8/2014, hiện đang ở cùng chị M, chị M xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, anh T cũng đồng ý để chị M trực tiếp nuôi con. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị M là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị M và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Phan Minh T.

2. Về quan hệ con chung:

Xử giao cho chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Ánh D - sinh ngày 24/8/2014.

Chấp nhận việc chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000752 ngày 17/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị Nguyễn Thị M đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Minh Đức